

Số: /2021/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày

tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao và một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết ban hành quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao và một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:
Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ngoài đối tượng quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao (*bao gồm giải thi đấu bóng đá*) và tiền tiêu vật cho huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tại đội tuyển quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên được cơ quan có thẩm quyền quyết định triệu tập để tập trung tập huấn và thi đấu tại:

a) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh do Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao Đồng Tháp quản lý, sử dụng để tổ chức tập huấn; tham gia các giải thể thao thành tích cao quy định tại Điều 37 Luật Thể dục thể thao năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018 (*sau đây gọi là đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh*);

b) Đội tuyển học sinh cấp tỉnh để tham gia các giải thể thao học sinh cấp khu vực, toàn quốc (*sau đây gọi là đội tuyển học sinh cấp tỉnh*);

c) Đội tuyển cấp huyện (bao gồm đội tuyển học sinh cấp huyện) để tham gia các giải thể thao cấp tỉnh (*sau đây gọi là đội tuyển cấp huyện*);

d) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao các cấp;

e) Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập tại đội tuyển quốc gia.

2. Các thành phần có liên quan đến công tác tổ chức giải thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, gồm:

a) Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn;

b) Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;

c) Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác có liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

3. Cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện chế độ quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục -

đào tạo và dạy nghề; nguồn kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao hàng năm theo phân cấp ngân sách; nguồn vận động, tài trợ và nguồn thu hợp pháp khác.

Chương II

CHẾ ĐỘ CHI TIÊU TÀI CHÍNH

ĐỐI VỚI CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO

Điều 4. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và khu vực

1. Tiền ăn trong quá trình tổ chức giải cho các đối tượng quy định tại điểm a và b khoản 2, Điều 2 Nghị quyết này (*gồm thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu*): 150.000 đồng/người/ngày.

2. Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này như sau:

a) Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn: 80.000 đồng/người/ngày;

b) Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 60.000 đồng/người/ngày;

c) Giám sát, trọng tài chính: 60.000 đồng/người/buổi. Riêng các môn bóng đá, bóng chuyên, bóng rổ tính theo trận (*không quá 03 trận đấu/người/ngày*):

- Bóng đá 05-07 người, bóng chuyên, bóng rổ: 60.000 đồng/người/trận;

- Bóng đá 11 người: 180.000 đồng/người/trận.

d) Thư ký, trọng tài khác: 50.000 đồng/người/buổi.

đ) Công an, y tế: 45.000 đồng/ người/buổi;

e) Lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ: 45.000 đồng/người/buổi.

3. Tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh:

a) Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: thanh toán theo hợp đồng thực tế, mức chi căn cứ quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

b) Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:

- Người tập:

+ Tập luyện: 30.000 đồng/người/buổi;

+ Tổng duyệt (tối đa 2 buổi): 40.000 đồng/người/buổi;

+ Biểu diễn chính thức: 70.000 đồng/người/buổi.

- Giáo viên, quản lý, hướng dẫn: 60.000 đồng/người/buổi.

4. Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình tổ chức giải thể thao, chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất.

Điều 5. Các giải thể thao cấp huyện

Áp dụng tối đa bằng 70% mức chi chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và khu vực.

Chương III

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN

Điều 6. Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn

1. Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh, đội tuyển học sinh cấp tỉnh: 130.000 đồng/người/ngày;
2. Đội tuyển cấp huyện: 65.000 đồng/người/ngày.

Điều 7. Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu

1. Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh, đội tuyển học sinh cấp tỉnh: 220.000 đồng/người/ngày;
2. Đội tuyển cấp huyện: 110.000 đồng/người/ngày.

Điều 8. Ngoài chế độ dinh dưỡng quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị quyết này, tùy khả năng nguồn kinh phí (*gồm: cân đối ngân sách địa phương, nguồn vận động, tài trợ và nguồn thu hợp pháp khác*) các huyện, thành phố có thể hỗ trợ cao hơn mức chi tại Nghị quyết này, nhưng tối đa không vượt quá các mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng quy định đối với Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh, đội tuyển học sinh cấp tỉnh.

Chương IV

MỨC THƯỞNG BẰNG TIỀN ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN

Điều 9. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc tế

Huấn luyện viên, vận động viên khi lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, ngoài tiền thưởng của Trung ương, giao Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định mức hỗ trợ thêm để khuyến khích tinh thần huấn luyện viên, vận động viên theo từng trường hợp cụ thể, nhưng tối đa không quá 50% mức quy định của Trung ương.

Điều 10. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

Mức thưởng: theo mục I - Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 11. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

1. Mức thưởng: theo mục II - Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

2. Các huyện, thành phố có đội tuyển đạt thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh: ngoài tiền thưởng của tỉnh, tùy khả năng cân đối ngân sách địa phương, nguồn vận động, tài trợ và nguồn thu hợp pháp khác, các huyện, thành phố có thể hỗ trợ thêm để khuyến khích tinh thần huấn luyện viên, vận động viên theo từng trường hợp cụ thể, nhưng tối đa không quá 50% mức thưởng quy định đối với các giải thể thao cấp tỉnh.

Điều 12. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp huyện

Áp dụng tối đa bằng 70% mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh quy định tại khoản 1 mục II - Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 13. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp xã

Áp dụng tối đa bằng 70% mức thưởng đối với các giải thi đấu thể thao cấp huyện.

Chương V

TIỀN TIÊU VẬT ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN

Điều 14. Tiền tiêu vật đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian được triệu tập tại đội tuyển quốc gia để tập luyện và thi đấu

1. Đội tuyển quốc gia: 4.000.000 đồng/người/tháng.
2. Đội tuyển trẻ quốc gia: 3.000.000 đồng/người/tháng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Các nội dung khác thực hiện theo các quy định sau đây:

1. Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;
2. Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT/BTC- BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;
3. Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao.

Điều 16. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 17. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Tỉnh khoá X, kỳ họp thứ hai

thông qua ngày 17 tháng 8 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2021 thay thế Nghị quyết số 72/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao và một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung, tập huấn và thi đấu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Nghị quyết số 209/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 17;
- UBND Tỉnh, Chính phủ;
- VPQH; Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, VH-TT&DL;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT/TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh,
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo Tỉnh; Cổng Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Thắng

Phụ lục
MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN LẬP
THÀNH TÍCH TẠI CÁC GIẢI THỂ THAO CẤP QUỐC GIA, CẤP TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: đồng.

Stt	Nội dung chi	Mức chi
A	B	C
I	MỨC THƯỞNG CÁC GIẢI THỂ THAO CẤP QUỐC GIA	
1	Vận động viên đạt thành tích cao trong đại hội thể thao toàn quốc	
	- Huy chương vàng	12.000.000
	- Huy chương bạc	9.000.000
	- Huy chương đồng	7.000.000
2	Vận động viên đạt thành tích cao tại Hội khỏe Phù Đổng	
	- Huy chương vàng	4.500.000
	- Huy chương bạc	3.000.000
	- Huy chương đồng	2.000.000
3	Vận động viên đạt thành tích cao tại giải vô địch quốc gia	
	- Huy chương vàng	6.000.000
	- Huy chương bạc	4.000.000
	- Huy chương đồng	3.000.000
4	Vận động viên đạt thành tích cao tại ĐH, Thể thao khu vực đồng bằng sông Cửu Long	
	- Huy chương vàng	2.000.000
	- Huy chương bạc	1.200.000
	- Huy chương đồng	600.000
5	Vận động viên đạt thành tích cao tại các giải vô địch trẻ quốc gia, giải Cúp quốc gia, mức thưởng được quy định theo lứa tuổi, như sau	
a	Giải thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi	
	- Huy chương vàng	1.000.000
	- Huy chương bạc	800.000
	- Huy chương đồng	500.000

Stt	Nội dung chi	Mức chi
b	<i>Giải thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi</i>	
	- Huy chương vàng	1.500.000
	- Huy chương bạc	1.000.000
	- Huy chương đồng	800.000
c	<i>Giải thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi</i>	
	- Huy chương vàng	2.000.000
	- Huy chương bạc	1.500.000
	- Huy chương đồng	1.000.000
d	<i>Giải thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi trở lên</i>	
	- Huy chương vàng	2.500.000
	- Huy chương bạc	2.000.000
	- Huy chương đồng	1.500.000
6	Phá kỷ lục giải vô địch quốc gia	Được cộng thêm tiền thưởng bằng với mức thưởng của huy chương đồng theo từng giải
7	Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích đối với môn thi đấu cá nhân	Mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải
8	Đối với môn thể thao tập thể	
a	Vận động viên tham gia các môn thể thao tập thể	Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng tương ứng theo từng giải thể thao
b	Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích	Mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải (mức thưởng/01 vận động viên)
9	Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một	

Stt	Nội dung chi	Mức chi
	lần thi, số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải)	
a	Vận động viên tham gia các môn thể thao đồng đội	Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng theo từng giải thể thao
b	Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo	Mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải (mức thưởng/01 vận động viên)
10	Các môn thể thao dành cho người khuyết tật	Áp dụng bằng 50% mức thưởng cho từng giải thể thao tương ứng
II	MỨC THƯỞNG CÁC GIẢI THỂ THAO CẤP TỈNH	
1	Các giải thể thao thành tích cao quy định tại Điều 37 Luật Thể dục thể thao năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018	
a	Vận động viên đạt giải tại các nội dung thi đấu cá nhân	
	- Huy chương vàng	1.500.000
	- Huy chương bạc	1.000.000
	- Huy chương đồng	700.000
b	Vận động viên đạt giải tại các nội dung thi đấu đôi	Mức thưởng chung bằng 02 lần mức thưởng đối với nội dung thi đấu cá nhân
c	Vận động viên đạt thành tích đối với môn thể thao tập thể	Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng vận động viên đạt giải nội dung thi đấu

Stt	Nội dung chi	Mức chi
		cá nhân
d	Vận động viên đạt thành tích đối với môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi, số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải)	Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng vận động viên đạt giải nội dung thi đấu cá nhân
2	Các giải thể thao cấp tỉnh ngoài các giải thể thao quy định tại khoản 1 mục II	
a	Đại hội thể dục thể thao tỉnh Đồng Tháp	
	- Vận động viên đạt giải tại nội dung thi đấu cá nhân	
	+ Huy chương vàng	2.000.000
	+ Huy chương bạc	1.500.000
	+ Huy chương đồng	1.000.000
	- Vận động viên đạt giải tại nội dung thi đấu đôi, đạt giải đối với môn thể thao tập thể, môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội	Áp dụng quy định tại điểm b, c, d khoản 1 mục II
b	Các giải thể thao cấp tỉnh khác	Áp dụng bằng 70% mức chi quy định tại khoản 1 mục II
3	Các môn thể thao dành cho người khuyết tật	Áp dụng bằng 50% mức thưởng cho từng giải thể thao tương ứng